TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 5 - 2024.
Về: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa*:** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 113/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2024 về: *"Tranh chấp ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chau Sóc P, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: Tổ F, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Néang Bô P1, sinh năm: 1975; địa chỉ cư trú: Tổ F, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông P - bà P1 cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/3/2024 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, ông Chau Sóc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà P1 được hình thành là do hai người tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 1999, từ đó đến nay hai người chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm, bởi bà P1 tự ghen tuông vô cớ rồi kiếm chuyện với ông, ông giải bày thì bà không nghe nên xảy ra gây cải và ly thân nhau hơn 02 năm nay. Trong thời gian ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn với bà P1.

Về quan hệ con chung: Ông với bà P1 có 04 con chung tên: Chau Sóc P2, sinh ngày 13/12/2000; Néang Pha Ry, sinh ngày 15/11/2003; Néang Đa N, sinh ngày

20/7/2005; Chau Sóc P3, sinh ngày 20/01/2007. Hiện các con Phone, R, N1 đã trưởng thành và sống tự lập cũng như cháu P3 hiện do bà P1 nuôi, ông không liên hệ được, nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà P1 không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà P1 không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bà N2 Bô Pha để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bảo lưu ý kiến của mình. Riêng bà P1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông P – bà P1 chung sống từ năm 1999, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, nên đề nghị HĐXX tuyên không công nhận ông P – bà P1 là vợ chồng. Về con chung, ông P không yêu cũng như tài sản chung, nợ chung, ông P khai không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Ông P khởi kiện ly hôn với bà P1 là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà P1 có địa chỉ cư trú tại huyện T, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà P1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa ông P – bà P1 được hình thành là do hai người tự tìm hiểu và chung sống nhau từ năm 1999; lẽ ra ông P – bà P1 phải tuân thủ pháp luật, đăng lý kết hôn theo quy định, nhưng giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa ông P trình bày từ trước đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trình bày của ông P phù hợp với kết quả xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A ngày 22/4/2024, nơi ông P – bà P1 có đăng ký hộ khẩu, nên HĐXX áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên không công nhận ông Chau Sóc P – bà Néang Bô P1 là quan hệ vợ chồng.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, theo ông P khai các cháu Chau S, Néang P, Néang Đa N, đã trưởng thành và sống tự lập, riêng cháu Chau Sóc P3, sinh ngày 20/01/2007, nhưng hiện sống với bà P1, ông không liên hệ, không yêu cầu, nên HĐXX không đề cặp xem xét giải quyết.

[4]. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Ông P khai ông với bà P1 không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do bà P1 vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cặp ở phần quyết định. Nếu sau này bà P1 có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, có nợ chung và bà P1 có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết thành vụ kiện khác.

[5]. *Về án phí*: Ông P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Chau Sóc P.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Chau Sóc P với bà Néang Bô P1 là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Ông Chau Sóc P khai có 04 con chung tên: Chau Sóc P2, sinh ngày 13/12/2000; Néang Pha Ry, sinh ngày 15/11/2003; Néang Đa N, sinh ngày 20/7/2005; Chau Sóc P3, sinh ngày 20/01/2007. Ông P không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Ông Chau Sóc P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012346 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (*ông P nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/5/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã An Tức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ